

一. 根据汉字写拼音。 เขียนพินอินตามตัวอักษรจีน

jiào shì

tóng xué

xué shēng

xué xiào

nián jí

cāo chǎng

zhōng wén

suì

jǐ

学校 学生 同学

操场 教室 年级

中文 几 岁

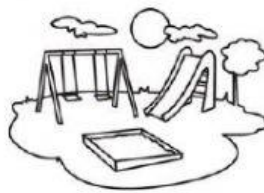
二. 连一连。 match



教室



同学



学校



中文



操场

三. 完成对话。 Complete the dialogues.

nǐ jǐ suì le?
你几岁了?

nǐ shàng jǐ nián jí?
你上几年级?

wǒ jiào dà lóng.
我叫大龙。

wǒ qù xué xiào.
我去学校。

